

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: **Thể dục thể thao**; Chuyên ngành: 1.14. **Thể thao** (Sport)

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: HÀ MINH DIU

2. Ngày tháng năm sinh: 12/04/1979; Nam ☐; Nữ ☒; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà 2/46 phố Trường Lâm, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ: số nhà C28/HH04, Khu đô thị Việt Hưng, phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Điện thoại di động: 0984 087 999 ; E-mail:haminhdiu@hpu2.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ 26/01/2005 đến tháng 9 năm 2018: Giảng viên Khoa GDTC, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

- Từ tháng 9 năm 2018 đến nay: Trưởng bộ môn Lý luận & Phương pháp dạy học, Khoa GDTC, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

- Từ năm 2019 đến nay: Trưởng bộ môn Lý luận & Phương pháp dạy học, Giảng viên chính tại Khoa Khoa học TDDT, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng Bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Bộ môn.

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa KH TDDT, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

Địa chỉ cơ quan: số 32 Nguyễn Văn Linh, Xuân Hòa, Phúc Yên, Vĩnh Phúc.

Điện thoại cơ quan: (0211) 3 863 416

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu: chưa

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 11 tháng 7 năm 2001; số văn bằng: B334926 ngành: Sư phạm Giáo dục thể chất, chuyên ngành: Sư phạm Giáo dục thể chất; Nơi cấp bằng ĐH: Đại học Thể dục thể thao I, Việt Nam (nay là trường Đại học TDTT Bắc Ninh).
- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 10 năm 2023; số bằng: VUI003144 ngành Ngôn ngữ Anh; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì, Việt Nam.
- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 10 tháng 9 năm 2005, số văn bằng A016912, ngành: Giáo dục học, chuyên ngành: Giáo dục thể chất; Nơi cấp bằng Thạc sĩ: Đại học Thể dục thể thao I, Việt Nam.
- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 21 tháng 10 năm 2015, số văn bằng 004734; ngành: Khoa học giáo dục, chuyên ngành: Huấn luyện thể thao.; Nơi cấp bằng Tiến sĩ: Viện Khoa học Thể dục thể thao, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HDGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HDGS ngành, liên ngành: Văn Hoá - Nghệ thuật - Thể dục thể thao.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- [1] Ứng dụng Cờ vua trong phát triển tư duy chiến thuật và năng lực sư phạm thể thao cho sinh viên ngành Giáo dục thể chất;
- [2] Tích hợp công nghệ trong xây dựng mô hình huấn luyện thể thao học đường nhằm nâng cao hiệu suất vận động và cá nhân hóa người học;
- [3] Phát triển phương pháp dạy học Giáo dục thể chất theo định hướng nâng cao năng lực vận động và phẩm chất người học.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **04 học viên cao học** bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ.
- Đã hoàn thành **02 đề tài NCKH** (gồm 01 đề tài cấp Bộ, 01 đề tài cấp cơ sở).
- Đã công bố **35 bài báo khoa học**, trong đó có **07 bài báo KH đăng trên tạp chí quốc tế uy tín (ISI/ scopus)**.
- Số lượng sách đã xuất bản **08 đầu sách**, trong đó 08 sách thuộc nhà xuất bản có uy tín, gồm: Chủ biên: 05; Đồng chủ biên: 02; Thành viên: 01.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Năm	Hình thức Khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; Cơ quan ban hành quyết định
CHIẾN SĨ THI ĐUA			

1	2022	Chiến sĩ thi đua cấp Bộ năm học 2020–2021	QĐ số 326/QĐ-BGDĐT ngày 21/01/2022 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT
2	2018-2021	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 04 năm liên tiếp (2017–2018 đến 2020–2021)	Các QĐ số 1440/QĐ-ĐHSPHN2 (15/8/2018), 1338/QĐ-ĐHSPHN2 (29/8/2019), 1171/QĐ-ĐHSPHN2 (21/9/2020), 1465/QĐ-ĐHSPHN2 (27/9/2021) của Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội 2
3	2021	Công nhận 02 sáng kiến cấp Bộ: ① Điều chỉnh chương trình GDPT 2018 môn Thể dục lớp 5; ② Xây dựng kế hoạch giáo dục & đổi mới đánh giá môn Thể dục.	QĐ số 2935/QĐ-BGDĐT ngày 20/09/2021 của Bộ GD&ĐT
4	2022	Công nhận 02 sáng kiến cấp Bộ: ① Hướng dẫn sử dụng bộ tiêu chí đánh giá năng lực dạy học cờ vua; ② Bồi dưỡng nâng cao năng lực dạy học cờ vua cho SV GDTC.	QĐ số 2803/QĐ-BGDĐT ngày 29/09/2022 của Bộ GD&ĐT
5	2021	Giấy khen của Bộ GD&ĐT về thành tích hướng dẫn sinh viên đạt Giải Nhì – Giải thưởng “Khoa học và Công nghệ dành cho sinh viên” năm 2021.	QĐ số 4953/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2021 của Bộ GD&ĐT

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo

Căn cứ vào các quy định hiện hành về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của giảng viên, ứng viên tự đánh giá mức độ phù hợp như sau:

Về phẩm chất chính trị, tư tưởng

- Luôn kiên định với đường lối, mục tiêu của Đảng; trung thành với Chủ nghĩa Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Nghiêm túc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; vận động người thân và nhân dân thực hiện tốt các quy định pháp luật.
- Tích cực học tập, bồi dưỡng nâng cao nhận thức chính trị, chuyên môn nghiệp vụ qua các lớp tập huấn, nghiên cứu tài liệu và trao đổi chuyên môn.

Về đạo đức, lối sống

- Giữ gìn tư cách, đạo đức và vai trò tiên phong của người đảng viên trong chuyên môn và đời sống.
- Có ý thức thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực trong ngành.
- Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, có mối quan hệ gần gũi, tôn trọng và được nhân dân nơi cư trú tín nhiệm.

Về tác phong, lề lối làm việc

- Có trách nhiệm cao trong công việc; năng động, sáng tạo, linh hoạt trong thực hiện nhiệm vụ được giao.
- Làm việc khoa học, dân chủ, tuân thủ nguyên tắc và có tinh thần hợp tác trong tập thể.
- Chủ động, nghiêm túc trong mọi hoạt động chuyên môn và công tác được phân công.

Về ý thức tổ chức kỷ luật

- Chấp hành nghiêm túc nguyên tắc tổ chức, kỷ luật và sự phân công, điều động của tổ chức.
- Tích cực vận động gia đình thực hiện đúng quy định của pháp luật, đặc biệt trong phòng chống tiêu cực và tệ nạn xã hội.
- Có tinh thần cầu thị, tiếp thu góp ý, sửa chữa khuyết điểm; thực hiện tốt chế độ sinh hoạt Đảng.

Về kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao

- Luôn phối kết hợp tốt với các đồng nghiệp, với các tổ chức đoàn thể trong nhà trường để cùng nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Tham gia đào tạo các hệ đại học, sau đại học. Tích cực tham gia hướng dẫn luận văn thạc sĩ, khoá luận tốt nghiệp đại học, chú trọng kết hợp giảng dạy với nghiên cứu khoa học để nâng cao chất lượng giảng dạy, đào tạo đại học, sau đại học; Tích cực trong công tác xây dựng tập thể sư phạm vững vàng, đoàn kết.
- Thường xuyên và tích cực thực hiện công tác nghiên cứu khoa học giáo dục theo nguyên tắc giữ gìn đạo đức trong nghiên cứu khoa học. Tích cực trong công tác tham gia hội thảo khoa học, báo cáo khoa học, công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên các tạp chí khoa học có uy tín trong và ngoài nước, góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả đào tạo giáo viên các hệ đại học, sau đại học.

Về thái độ phục vụ viên chức, người lao động, người học

Có thái độ đúng mực và phong cách ứng xử, lề lối làm việc chuẩn mực, đáp ứng yêu cầu của văn hoá công vụ.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 19 năm 8 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS)
(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS	HD đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH	Giảng dạy		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức*
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019-2020				02	406		225/406/192
2	2020-2021			01	01	259.5		180/259.5/192
3	2021-2022			01	01	482.4		300/482.4/192
3 năm học cuối								
4	2022-2023					475.2		439.2/475.2/192
5	2023-2024				02	216		180/216/192
6	2024-2025					257.4	72	255/329.4/192

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐ :

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☒ :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp cử nhân Văn bằng 2 Tiếng Anh. Số bằng: VUI003144; năm cấp: 2023, Đại học Công nghiệp Việt Trì.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- 3.2. Tiếng Anh (văn bản, chứng chỉ): Chứng chỉ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu (dành cho Việt Nam), số hiệu chứng chỉ: 18.05231; số quyết định:

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng)

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lương NCS.

(Tách thành 2 giai đoạn: Đối với ứng viên chức danh PGS: Trước khi bảo vệ học vị TS và sau khi bảo vệ học vị TS; đối với ứng viên GS: Trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS)

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phần biên soạn	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của CS GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I. Trước khi được công nhận Tiến sĩ							

I. Sau khi được công nhận Tiến sĩ							
1	Ứng dụng các chỉ số tâm lý và chuyên môn trong đánh giá trình độ tập luyện cờ vua của sinh viên sư phạm ngành Giáo dục thể chất	TK	Mã số ISBN: 978-604-9806-51-3. NXB ĐHQGHN (2019)	4	CB	77-130	Giấy xác nhận số 289/GXN-ĐHSPHN2-ĐT ngày 12 tháng 06 năm 2025
2	Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội	TK	Mã số ISBN: 978-604-9848-35-3. NXB ĐHQGHN (2019)	8	Đồng CB	15-67	Giấy xác nhận số 289/GXN-ĐHSPHN2-ĐT ngày 12 tháng 06 năm 2025
3	Bồi dưỡng nâng cao năng lực dạy học cờ vua cho sinh viên ngành GDTC	TK	Mã số ISBN: 978-604-342-230-6, NXB ĐHQGHN (2021)	7	CB	62-124	Giấy xác nhận số 289/GXN-ĐHSPHN2-ĐT ngày 12 tháng 06 năm 2025
4	Hướng dẫn sử dụng bộ tiêu chí đánh giá năng lực dạy học cờ vua cho sinh viên ngành GDTC	TK	Mã số ISBN: 978-604-342-186-6. NXB ĐHQGHN (2021)	3	CB	71-125	Giấy xác nhận số 289/GXN-ĐHSPHN2-ĐT ngày 12 tháng 06 năm 2025
5	Giáo trình phương pháp giáo dục thể chất trường học	GT	ISBN: 978-604-384513-6 NXB ĐHQGHN (2022)	7	Thành viên	37-85	Giấy xác nhận số 289/GXN-ĐHSPHN2-ĐT ngày 12 tháng 06 năm 2025
6	Xác định mối quan hệ giữa trình độ thể lực với	TK	Mã số ISBN: 978-604-85-1053-4.	10	Đồng CB	43-90	Giấy xác nhận số 289/GXN-ĐHSPHN2-ĐT

	mức độ phát dục cơ thể của vận động viên bơi 12-14 tuổi		NXB Thể thao và du lịch (2023)				ngày 12 tháng 06 năm 2025
7	Hướng dẫn xây dựng kế hoạch bài dạy và tổ chức dạy học trực tuyến, dạy học trên truyền hình thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học môn: Giáo dục thể chất	TK	Mã số ISBN: 978-604-85-1105-0 NXB Thể thao và du lịch (2024)	1	CB	1-135	Giấy xác nhận số 289/GXN-ĐHSPHN2-ĐT ngày 12 tháng 06 năm 2025
8	Xây dựng kế hoạch môn học Giáo dục thể chất ở trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông	TK	Mã số ISBN: 978-604-85-1084-8 NXB Thể thao và du lịch (2024)		CB	63-125	Giấy xác nhận số 289/GXN-ĐHSPHN2-ĐT ngày 12 tháng 06 năm 2025

Trong đó, sách chuyên khảo xuất bản ở NXB uy tín trên thế giới sau khi được công nhận PGS (đối với ứng viên chức danh GS) hoặc cấp bằng TS (đối với ứng viên chức danh PGS):

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; MM: viết một mình; CB: chủ biên; phần ứng viên biên soạn đánh dấu từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chương trình, dự án, đề tài,...)	CN/PCN/ TK	Mã số, cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I. Trước khi được công nhận Tiến sĩ					
I. Sau khi được công nhận Tiến sĩ					
1	Đề tài KHCN cấp Cơ sở Nghiên cứu lựa chọn giải pháp nhằm nâng cao kỹ năng	CN	Mã số: C.2017.09	1/2017- 12/2017	Ngày 15/1/2018 Xếp loại: Khá

	khai cuộc cờ vua cho sinh viên chuyên ngành GDTC trường ĐHSPHN2		Trường ĐHSP Hà Nội 2		
2	Đề tài KHCN cấp Bộ Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực dạy học môn cờ vua của sinh viên sư phạm ngành Giáo dục thể chất	CN	Mã số: B.2019-SP2-05 Bộ GD&ĐT	1/2019- 12/2021	Ngày 04/11/2021 Xếp loại: Đạt

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1.a Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (ISI/Scopus)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số/ trang	Năm công bố
I	Trước khi bảo vệ học vị Tiến sĩ							
1	Nghiên cứu ứng dụng chỉ số IQ và các test chuyên môn trong tuyển chọn và đánh giá trình độ tập luyện của nữ VĐV năng khiếu cờ vua trẻ tuổi 8-10 trên địa bàn Hà Nội	01	Có	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học quốc tế “Phát triển thể thao - tầm nhìn đến Olympic” NXB TDTT (Không có ISBN)			tr. 326 – 336	2012
2	Khai thác phần mềm Chess Assistant 3.0 phục vụ việc giảng dạy khai cuộc cờ vua cho sinh viên khoa Giáo dục thể chất trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	01	Có	Tạp chí Khoa học Thể thao ISSN:1859- 4662			số 1 tr. 43 - 50	2014

3	Nghiên cứu lựa chọn các test chuyên môn và xây dựng tiêu chuẩn đánh giá trình độ tập luyện cho nam VĐV cờ vua lứa tuổi 8 các tỉnh phía Bắc	01	Có	Tạp chí Khoa học Thể thao ISSN:1859- 4662			số 5 tr. 27-36	2014
II	Sau khi bảo vệ học vị Tiến sĩ							
4	Development of Creative Thinking through Specialized Exercises for Young Chess Players Aged 6 to 8 in Hanoi	02	Có	Proceedings of the International Scientific Conference: Creativity Development and Opportunities for Business and Startup Ideas ISBN: 978-604-62-8736-0 NXB ĐHQG HN			tr. 265-272	2017
5	Professional exercises of creative thinking development for male chess team at Hanoi pedagogical university 2	01	Có	Proceedings of the International Scientific Conference: Physical Education and Sports in the Period of Development and International Integration ISBN:978-604-85-0663-6 NXB TDTT			tr. 129-131	2017
6	Solutions for Improving Opening Skills of the Chess Team at Hanoi	01	Có	Proceedings of International Conference: Education for All			tr. 541-553	2018

	Pedagogical University No. 2			ISBN: 978-604-62-6622-8 NXB ĐHQG Hà Nội				
7	Solutions to Enhance Practical Skills in Aerobic Gymnastics for Students of Hanoi Pedagogical University 2	01	Có	Proceedings of International Conference: New Trends in Education ISBN: 978-604-968-478-4 NXB ĐHQG Hà Nội			tr. 266-277	2018
8	Solutions to opening skill improvement for chess team of 10-10 juvenile sport school	01	Có	Proceedings of International Conference: New Issues in Educational Sciences – Inter-Disciplinary and Cross-Disciplinary Approaches ISBN: 978-604-968-566-8 NXB ĐHQG Hà Nội			tr. 407-419	2019
9	Development of the e-learning material set to support the chess self-study for students of physical education.	01	Có	Proceedings of the 3rd International Conference on Teacher Education Renovation (ICTER 2020), ISBN: 978-604-9984-82-2 NXB Đại học Thái Nguyên			tr. 337-347	2021
10	Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động học tập	02	Có	Tạp chí Khoa học Thể thao Sports			số 3 tr. 21-24	2021

	cờ vua của sinh viên sư phạm ngành GDTC			Science Magazin SN 1859-4662				
11	Xây dựng bộ học liệu điện tử hỗ trợ tự học môn Taekwondo cho sinh viên ngành Giáo dục thể chất	02	Có	Tạp chí khoa học ISSN 1859-2325			số 71 tr. 79-91	2021
12	Nghiên cứu tiêu chuẩn đánh giá trình độ thực hành cờ vua cho sinh viên khoa Giáo dục thể chất trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	02	Có	Tạp chí khoa học ISSN 1859-2325			số 74 tr. 72-80	2021
13	Lựa chọn bài tập nhằm phát triển năng lực chiến thuật cờ vua cho sinh viên ngành GDTC	03	Có	Tạp chí Khoa học Thể thao ISSN 1859-4662			số 6 tr. 38-42	2021
14	Educational Innovation Solutions to Improve Chess Teaching Competency of Pedagogical Students in Physical Education.	03	Có	International Research Journal (ISSN 2303-9868) No 6 (108), International Research Journal. ISSN : 2227-6017.			№ 6 (108) pp. 57-63	2021
15	Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực học tập môn cờ vua cho sinh viên khoa giáo dục thể chất trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	03	Có	Tạp chí Khoa học Thể thao ISSN 1859-4662			số 5 tr. 50-56	2021
16	Lựa chọn trò chơi vận động phát triển năng lực phối hợp vận động cho trẻ 4 - 5 tuổi tại trường mầm non Vietkids Kinder Garten Hà Nội	02	Có	Tạp chí Khoa học Thể thao ISSN 1859-4662			số 4 tr. 18-21	2022

17	Xây dựng chuẩn đánh giá năng lực học sinh môn Giáo dục thể chất cấp tiểu học trong chương trình Giáo dục phổ thông 2018	02	Có	Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam ISSN 2615-8957 e-ISSN 3030-4490			tập 19 số S3 tr. 97-103	2023
18	Research on Current Situation of Physical Education in Universities of Central North Cluster in Vietnam	01	Có	International Journal of Sports Health and Physical Education P-ISSN: 2664-7559 E-ISSN: 2664-7567			Vol. 5, Issue 1 (Part A) pp.01-07	2023
19	Lựa chọn biện pháp nâng cao chất lượng công tác Giáo dục thể chất cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	02	Có	Tạp chí khoa học và đào tạo TDDT ISSN 0866-8108			số 3 tr. 20-23	2024
20	Improving Peak Torque Strength of Male Karate Students After Eight Weeks of Strength Training https://doi.org/10.7752/jpes.2024.05131	02	Không	Journal of Physical Education and Sport (JPES) ISSN: 2247 - 8051 (print), 2247 - 806X (online)	Scopus Q3 IF: 3.2 SJR: 0.333 h-index: 35		Vol. 24, Issue 5, pp. 1139-1144	2024
21	The Effect of Sports Activities on Stress Resilience in Students at Vietnam National University https://doi.org/10.26773/smj.241019	02	Có	Sport Mont, ISSN: 2332-4479	Scopus Q3 IF:1.5 h-index: 7		Vol. 22, No.3, pp. 121-126.	2024
22	The Relationship between the Kinematics Variables	02	Có	Annals of Applied Sport Science ISSN: 2322-4479	Scopus Q3 ESCI, IF: 1.6		Vol. 12, Issue 4, Article e1415	2024

	of University Male Students and Their Fitness in Butterfly Swimming https://aassjournal.com/article-1-1415-en.pdf				h-index: 10			
23	The Effect of the Sports Club Model on the Physical Fitness Improvement of Female Students at Vietnam National University, Ho Chi Minh City https://doi.org/10.2478/pjst-2024-0019	02	Không	Polish Journal of Sport and Tourism, ISSN: 1899-1998	Scopus Q3 IF: 1.3 h-index: 13		Vol. 31, Issue 3 pp. 28–34	2024
24	Solutions to Improve Quality of Physical Education for Students of Universities in Vietnam	01	Có	Journal of Advances in Sports and Physical Education ISSN 2616-8642 (Print) ISSN 2617-3905 (Online)			Vol. 7, Issue 9, pp. 225-233	2024
25	Nghiên cứu lựa chọn bài tập bổ trợ nhằm khắc phục những sai lầm thường mắc trong kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân của nam sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	01	Có	Tạp chí Khoa học và Đào tạo thể thao ISSN 2588-1345			số 29 tr. 69-74	2024
26	Nghiên cứu ứng dụng võ nhạc trong giảng dạy Taekwondo cho	01	Có	Tạp chí Khoa học và Đào tạo thể thao ISSN 2588-1345			số 30 tr.25-28	2024

	sinh viên Đại học Sư phạm Hà Nội 2							
27	N. Stockfish Chess Engine Software Application to Enhance Opening Playing Skills for Physical Education Students https://doi.org/10.13189/saj.2025.130113	02	Có	International Journal of Human Movement and Sports Sciences Print ISSN: 2381-4381 Online ISSN: 2381-4403	Scopus Q3 IF: 1.06 h-index: 12		Vol. 13, No.1 pp. 118 - 125	2025
28	Exploratory Study on Motivational Factors in Recreational Sports: A Gender and Region-based Analysis of Students at Vietnam National University, Ho Chi Minh City https://doi.org/10.2174/011875399X354776241218053136	02	Có	The open Sports Sciences Journal ISSN: 1875-399X	Scopus Q4 IF: 1.3 h-index: 16		Vol. 18 (E-Location e1875399X354776), published 27 Jan 2025.	2025
29	Impact of an 18-week basketball program on fitness outcomes: A club-based (BPCM) approach for female students https://periodicos.uem.br/ojs/index.php/RevEducFis/article/view/73326	02	Có	Journal of Physical Education (Maringa) ISSN: 2448-2455	Scopus Q4 IF: 0.8 h-index: 15		Vol. 36 No. 1 e-3613	2025
30	Student Sports Club Management Using AI Application	02	Có	Proceedings of The International Conference on Sport Science			tr. 628-634	2025

				2025 ISBN: 978-0-646-70623-8				
31	Designing a Short Term Endgame Training System to Enhance Decision Making Speed for Chess Players	02	Có	Current Clinical and Medical Education ISSN-L/ISSN online 2942-0792			Vol. 3, No. 4 pp. 33–39.	2025
32	Application of Yoga Exercises to Enhance Motor Coordination Ability for Students of Physical Education at Hanoi Pedagogical University 2	02	Có	Current Clinical and Medical Education ISSN-L/ISSN online 2942-0792			Vol. 3, No. 4 pp. 27–32	2025
33	Overview of AI Applications in Student Sports Club Management	02	Có	International Journal of Physiology, Health and Physical Education P-ISSN: 2664-7265 E-ISSN: 2664-7273			Vol. 7, Issue 1 (Part A) pp. 48–52	2025
34	Nghiên cứu ứng dụng bài tập chuyên môn cờ vua nhằm nâng cao kỹ năng tính toán cho sinh viên không chuyên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	01	Có	Tạp chí Khoa học Thể thao ISSN 1859-4662			Số đặc biệt 2025 tr. 252–255	2025
35	Hiệu quả của bài tập yoga trong việc nâng cao năng lực mềm dẻo cho nữ vận động viên đội tuyển Aerobic	01	Có	Tạp chí Khoa học Thể thao ISSN 1859-4662			Số đặc biệt 2025 tr. 256–258	2025

	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2						
--	---------------------------------	--	--	--	--	--	--

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: **05 ([21], [22], [27], [28], [29]).**

7.1.b Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
1							
2							

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: .

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UỶ (Chủ trì/Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Xây dựng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn GDTC. Mã số : 8140111	Tham gia	QĐ số 2470/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 31/12/2021	Trường ĐHSP Hà Nội 2	Số: 3306/QĐ_ĐHSPHN2 ngày 29/12/2023	
2	Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học Ngành GDTC_ Mã số : 7140206 (Hình thức đào tạo chính quy)	Tham gia	QĐ số 1724/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 07/09/2022	Trường ĐHSP Hà Nội 2	Số: 1972/QĐ_ĐHSPHN2 ngày 29/9/2022	
3	Xây dựng chương trình đào tạo liên thông trình độ đại học Ngành GDTC _ Mã số: 7140206 (Hình thức đào tạo vừa làm vừa học)	Tham gia	QĐ số 1724/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 07/09/2022	Trường ĐHSP Hà Nội 2	Số: 1932/QĐ_ĐHSPHN2 ngày 22/12/2020	
4	Xây dựng chương trình đào tạo Đại học ngành Quản lý TDTT Mã số: 7810301	Tham gia	QĐ số 967/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 18/05/2023	Trường ĐHSP Hà Nội 2	Số: 1140/QĐ_ĐHSPHN2 ngày 13/6/2024	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UỶ PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:.

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Vĩnh Phúc , ngày 25 tháng 6 năm 2025

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hà Minh Dụ

